

BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN

TECO

together, we empower the Future



Áp dụng từ ngày **01/04/2026** - Giá đã bao gồm thuế VAT 10%



Make a Better World with **TECO**



THIẾT BỊ ĐỒNG NGẮT

Áp dụng từ ngày 01/04/2026 - Giá đã bao gồm thuế VAT 10%

▼ MCCB (APTOMAT) Loại 3 Pha IEC 60947-2 380V

Mã Hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá Bán (VND)
 TBX-63	16-20-25-32-40	10	847,000
TBX-63L		35	932,000
TBX-63M		50	1,092,000
TBX-63H		65	
 TBX-125	16-20-25-32-40	25	1,100,000
TBX-125L		35	1,305,000
TBX-125M		65	1,490,000
TBX-125H		85	
 TBX-250L	100-125-140-160	45	1,864,000
TBX-250M		65	2,263,000
TBX-250H		85	
 TBX-400L	225-250-315	50	5,010,000
TBX-400M		65	5,641,000
TBX-400H	350-400A	100	
 TBX-630L	500-630A	65	7,800,000
TBX-630M		85	8,200,000
TBX-630H		100	
 TBX-800L	630-700-800A	65	9,900,000
TBX-800M		85	11,000,000
TBX-800H		100	
 TBX-400L	225-250-315	50	5,591,000
TBX-400M		65	6,232,000
TBX-400H		100	
 TBX-630L	500-630A	65	9,437,000
TBX-630M		85	10,350,000
TBX-630H		100	
 TBX-800L	630-700-800A	65	11,737,000
TBX-800M		85	13,915,000
TBX-800H		100	

▼ MCCB Loại 3 Pha Điện Tử

Mã Hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá Bán (VND)
 TE-1600	800~1600A	100	112,651,000
BE-1600	800~1600A	100	65,300,000

▼ MCB - CB Tép



Mã Hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá Bán (VND)
TJ-636S 1P	6-10-16-20-25-32A	6	50,000
	40-50-63A	6	55,000
TJ-636S 2P	6-10-16-20-25-32A	6	100,000
	40-50-63A	6	110,000
TJ-636S 3P	6-10-16-20-25-32A	6	150,000
	40-50-63A	6	165,000
TJ-6310S 1P	6-10-16-20-25-32A	10	58,000
	40-50-63A	10	64,000
TJ-6310S 2P	6-10-16-20-25-32A	10	116,000
	40-50-63A	10	128,000
TJ-6310S 3P	6-10-16-20-25-32A	10	174,000
	40-50-63A	10	192,000
TJ-6310S 4P	6-10-16-20-25-32A	10	203,500
	40-50-63A	10	231,000
TJ-100S 1P	80-100A	10	143,000
TJ-100S 2P	80-100A	10	264,000
TJ-100S 3P	80-100A	10	396,000
TJ-100S 4P	80-100A	10	528,000

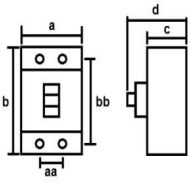
▼ RCCB/ELCB (CB Chống Giật, Dòng Rò)

Mã Hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá Bán (VND)
 RC-362 2P	25-32-40-63A	2.5	332,000
			460,000
RCBO 1P+N	16-20-25-32A	6	315,000
TLB-100 3P	15-20-30-40	7.5/3.8	
	50-60-75-100A		
TLB-125 3P	15-20-30-40-50	15/7.5	
TLB-125 4P	60-75-100-125A		
TLB-250 3P	125~250A	15/7.5	

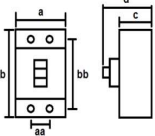
▼ MCCB (APTOMAT) Loại 3 Pha IEC 60947-2 AC 380V

Mã Hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá Bán (VND)
 TVM1-1000	800 ~ 1000A	85	24,962,000
TVM1-1250	1000 ~ 1250A	85	28,839,000

▼ **RCCB/ELCB** (CB Chống Giật, Dòng Rò)

Frame size (AF)	63	
Type	RC-362S	RC-364S
Number of Poles	2	4
Rated Current (A)	25-32-40-63	25-32-40-63
At ambient temperature Rated breaking capacity (kA)	6	
IEC 60947-2 AC 400V Icu (kA)		
Dimensions (mm)	a	36 72
	b	82
	c	50
	d	75
	aa	
	bb	
Weight(kg)	0.2	0.35

▼ **MCB - CB Tép**

Frame size (AF)	63			
Type	TJ-636S			
Number of Poles	1	2	3	4
Rated current (A)	6-10-16-20-25-32	6-10-16-20-25-32	6-10-16-20-25-32	6-10-16-20-25-32
At ambient temperature Rated breaking capacity (kA)	6			
IEC 60947-2 AC 400V Icu (kA)				
Dimensions (mm)	a	18 36	54	72
	b	82		
	c	50		
	d	75		
	aa			
	bb			
Weight(kg)	0.1	0.2	0.3	0.4

▼ **CONTACTOR AC 3 Pha**

Mã Hàng	In (A)	AUX	Giá Bán (VND)
 CU-11	11A	1a or 1b	325,000
 CU-16	16A	1a or 1b	440,000
 CU-18	18A	1a1b	545,000
 CU-22	22A	1a1b	565,000
 CU-32R	32A	1a1b	705,000
 CU-40	40A	1a1b	1,320,000
 CU-50R	50A	2a2b	1,600,000
 CU-65R	65A	2a2b	1,650,000
 CU-80	80A	2a2b	2,400,000
 CU-90	90A	2a2b	3,025,000
 CN-100R	100A	2a2b	3,200,000
CN-125R	125A	2a2b	3,960,000
CN-150R	150A	2a2b	5,190,000
CN-180	180A	2a2b	7,465,000
CN-220	220A	2a2b	8,500,000
CN-300	300A	2a2b	11,720,000
CN-400	400A	2a2b	17,000,000
CN-500	500A	2a2b	19,300,000
CN-630	630A	2a2b	27,830,000

▼ **TIẾP ĐIỂM PHỤ**

(PHỤ KIỆN CONTACTOR)

Mã Hàng	Kết Hợp Contactor	AUX	Giá Bán (VND)
 CNA-111SR (Bên hông)	CU-11~CU-40	1a1b	145,200
 CNA-111BC (Bên hông)	CN-100R~CN-300	1a1b	220,000
 CUA-2 (Phía trên)	CU-11~CU-90	1a1b 2a, 2b	121,000
 CUA-4 (Phía trên)		2a2b, 4a, 4b 1a3b, 3a1b	180,000

▼ **KHOÁ LIÊN ĐỘNG**

(PHỤ KIỆN CONTACTOR)

Mã Hàng	Kết Hợp Contactor	AUX	Giá Bán (VND)
 CI-18	CU-11~32R	-	88,000
 CI-35	CU-40~90	-	110,000
 CNI-100	CN-100R~300	-	165,000

▼ **POWER METER - ĐỒNG HỒ ĐA NĂNG**

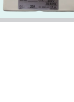
IEC 62053-23

Mã Hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá Bán (VND)
 TMM-320			9,361,000
 TMM-20			13,805,000

▼ **KHOẢNG ĐỘNG TỪ HỘP**

Mã Hàng	Kết hợp Relay Nhiệt	Giá Bán (VND)
 HUEB-11	RHU-10	620,000
 HUEB-16	RHU-10	760,000
 HUPB-18	RHU-10	1,020,000

(PHỤ KIỆN CONTACTOR)

Mã Hàng	Kết hợp Relay Nhiệt	Giá Bán (VND)
 HUB-32R	RHU-10	1,500,000
 HUB-40	RHU-80	
 HUB-65	RHU-80	

▼ RELAY NHIỆT

(PHỤ KIỆN CONTACTOR)

Mã Hàng	In (A)	Kết hợp Contactor	Giá Bán (VND)
 RHU-10/*1	0.25~0.4, 0.35~0.5, 0.45~0.63 0.55~0.8, 0.75~1.0, 9~1.3, 1.1~1.6 1.4~2.1, 8~2.5, 2.3~3.2, 2.9~4	CU-11/16 18/22/32R	295,000
	9~12.5, 11.3~16, 15~20 17.5~21.5, 21~25, 24.5~30, 29~36		387,000
 RHU-80/*2	17~25, 24.5~36, 35~47	CU-40	760,000
 RHU-80/*3	24.5~36, 34~47, 45~60	CU-50/65	910,000
	58~75, 72~90	CU-90	1,100,000

Mã Hàng	In (A)	Kết hợp Contactor	Giá Bán (VND)
RHN-300/K	87~120, 105~144A	CN-100R/125R	4,720,000
RHN-300/K	154~200, 175~240A	CN-150R/180,220	4,900,000
	203~280, 246~336A	CN-300	

▼ ACB FIXED TYPE (Máy Cắt Không Khí Loại Cố Định Đã Bao Gồm MC, CC, SHT, AX)

Mã Hàng	Ampe	kA	Giá Bán (VND)
 BAW-1250 3P	630A	65	
	800A		
	1000A		
	1250A		
BAW-1600 3P	1600A	100	
BAW-3200 3P	2000A		
	2500A		
	3200A		

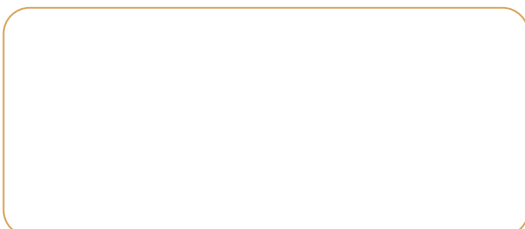
Mã Hàng	Ampe	kA	Giá Bán (VND)
BAW-1250 4P	630A	65	
	800A		
	1000A		
	1250A		
BAW-1600 4P	1600A	100	
BAW-3200 4P	2000A		
	2500A		
	3200A		

▼ ACB DRAW OUT TYPE (Máy Cắt Không Khí Loại Rời Đã Bao Gồm MC, CC, SHT, AX)

Mã Hàng	Ampe	kA	Giá Bán (VND)
 BAW-1250 3P	630A	65	
	800A		
	1000A		
	1250A		
BAW-1600 3P	1600A	100	
BAW-3200 3P	2000A		
	2500A		
	3200A		
BAW-4000 3P	4000A	120	
BAW-6300 3P	5000A		
	6000A		

Mã Hàng	Ampe	kA	Giá Bán (VND)
BAW-1250 4P	630A	65	
	800A		
	1000A		
	1250A		
BAW-1600 4P	1600A	100	
BAW-3200 4P	2000A		
	2500A		
	3200A		
BAW-4000 4P	4000A	120	
BAW-6300 4P	5000A		
	6000A		

Nhà Phân Phối:



▼ PHỤ KIỆN ACB

Mã Hàng	Giá Bán (VND)
Tám Chấn Pha	
Doorflame	
UVT Bộ bảo vệ thấp áp	
Khóa liên động 2-way	
Khóa liên động 3-way	

*Thời gian đặt hàng 75~90 ngày đối với hàng không có sẵn.